Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4707.30.00

Mã HS	4707.30.00
Mô tả hàng hóa	Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa) / - Giấy hoặc bìa được làm chủ yếu bằng bột giấy thu được từ quá trình cơ học (ví dụ, giấy in báo, tạp chí và các ấn phẩm tương tự)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 03:47:11
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/47073000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7271
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7271
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7271
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7044
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6999
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6999
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6999
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6999
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6999
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6999
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7049
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7049

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7049
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7049
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7049
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7049
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7051
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7051
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7051
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7051
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7051
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7051
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7051
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7005
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7007
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7007
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7007
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7007
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7007
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7007
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7027
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7027
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7027
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7027
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7027
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7027
VCFTA	2022	2022	0	VC!D7082
VCFTA	2023	2023	0	VC!E7082

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7082
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7082
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7082
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7082
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7062
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7062
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7062
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7062
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7062
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7062
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7070
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7070
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7070
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7070
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7070
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7070
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7063
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7063
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7063
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7063
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7063
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7063
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7064
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7064
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7064
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7064

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7064
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7064
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7030
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7030
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7030
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7030
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7030
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7030
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7030
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7064
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7064
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7064
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7064
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7064
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7064
RCEP B	2022	2022	0	B!D7064
RCEP B	2023	2023	0	B!E7064
RCEP B	2024	2024	0	B!F7064
RCEP B	2025	2025	0	B!G7064
RCEP B	2026	2026	0	B!H7064
RCEP B	2027	2027	0	B!I7064
RCEP C	2022	2022	0	C!D7064
RCEP C	2023	2023	0	C!E7064
RCEP C	2024	2024	0	C!F7064
RCEP C	2025	2025	0	C!G7064
RCEP C	2026	2026	0	C!H7064

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I7064
RCEP D	2022	2022	0	D!D7064
RCEP D	2023	2023	0	D!E7064
RCEP D	2024	2024	0	D!F7064
RCEP D	2025	2025	0	D!G7064
RCEP D	2026	2026	0	D!H7064
RCEP D	2027	2027	0	D!I7064
RCEP E	2022	2022	0	E!D7067
RCEP E	2023	2023	0	E!E7067
RCEP E	2024	2024	0	E!F7067
RCEP E	2025	2025	0	E!G7067
RCEP E	2026	2026	0	E!H7067
RCEP E	2027	2027	0	E!I7067
RCEP F	2022	2022	0	F!D7064
RCEP F	2023	2023	0	F!E7064
RCEP F	2024	2024	0	F!F7064
RCEP F	2025	2025	0	F!G7064
RCEP F	2026	2026	0	F!H7064
RCEP F	2027	2027	0	F!I7064
VIFTA	2024	2024	0	VI!F6528
VIFTA	2025	2025	0	VI!G6528
VIFTA	2026	2026	0	VI!H6528
VIFTA	2027	2027	0	VI!I6528

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Phế liệu được phép NK từ nước ngoài làm NLSX (13/2023/QĐ-TTg)		13/2023/QĐ-TTg	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4707.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 4707.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7271), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Phế liệu được phép NK từ nước ngoài làm NLSX (13/2023/QĐ-TTg)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.